

Số: 1012/QĐ-TCĐCN

Thanh Hóa, ngày 13 tháng 11 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc công nhận tốt nghiệp trung cấp đợt II năm 2025**

**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHIỆP THANH HOÁ**

Căn cứ Quyết định số 1900/QĐ-UBND ngày 02/6/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc ban hành Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Cao đẳng Công nghiệp Thanh Hóa;

Căn cứ Thông tư số 15/2021/TT-BLĐTBXH, ngày 21/10/2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh và Xã hội quy định về Điều lệ trường cao đẳng;

Căn cứ Quyết định số 103/QĐ-TCĐCN ngày 29/3/2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Công nghiệp Thanh Hóa về việc ban hành Quy định kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp;

Căn cứ Kết quả quá trình học tập và thi tốt nghiệp của học sinh trình độ trung cấp năm 2025; Biên bản của Hội đồng thi tốt nghiệp ngày 12 tháng 11 năm 2025;

Theo đề nghị của Hội đồng thi tốt nghiệp đợt II năm 2025.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công nhận tốt nghiệp và cấp bằng trung cấp cho **371 học sinh**, gồm các nghề:

1. Công nghệ ô tô	87 học sinh
2. Điện công nghiệp	53 học sinh
3. Tự động hóa công nghiệp	03 học sinh
4. Kỹ thuật máy lạnh và điều hoà không khí	98 học sinh
5. Điện tử công nghiệp	08 học sinh
6. Công nghệ thông tin	69 học sinh
7. Hàn	13 học sinh
8. Cắt gọt kim loại	08 học sinh
9. Bảo trì hệ thống thiết bị cơ khí	03 học sinh
10. Công nghệ kỹ thuật điện tử truyền thông	04 học sinh
11. Điện - Nước	05 học sinh
12. May thời trang	20 học sinh

Trong đó: Giỏi 15 học sinh, đạt tỷ lệ 4%; Khá 168 học sinh, đạt tỷ lệ 45.2%

(Có danh sách kèm theo)

**Điều 2.** Quyết định có hiệu lực từ ngày ký.

**Điều 3.** Các ông (bà) trưởng phòng Đào tạo và Công tác học sinh, sinh viên, trưởng các đơn vị liên quan, giáo viên chủ nhiệm và học sinh có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

**Nơi nhận:**

- BGH (báo cáo);
- Như Điều 3 QĐ;
- Lưu: VT, ĐTCTHSSV.

**HIỆU TRƯỞNG**



**TS. Hoàng Anh Tuấn**

# DANH SÁCH HỌC SINH TRUNG CẤP TỐT NGHIỆP ĐỢT II NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số: 1012/QĐ-TCĐCN ngày 13 tháng 11 năm 2025)



STT	Họ và Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm				Xếp loại	Ghi chú
				ĐTB	ĐTNLT	ĐTNTH	ĐTN		
<b>A</b>	<b>Công nghệ ô tô</b>								
<b>I.</b>	<b>Lớp TA17 – Ô tô 2</b>								
1.	Vũ Trung Kiên	12/5/2001	Thanh Hóa	7.2	7.0	7.5	7.3	Khá	
2.	Đỗ Hữu Long	18/5/2005	Thanh Hóa	7.1	7.5	7.5	7.3	Khá	
3.	Vũ Tất Thành	22/6/2004	Thanh Hóa	7.3	7.5	7.5	7.4	Khá	
4.	Nguyễn Lê Cường	03/11/2007	TP. Hồ Chí Minh	6.1	7.0	7.0	6.5	Trung bình	
<b>II.</b>	<b>Lớp TB17 – Ô tô 1</b>								
1.	Trần Thanh Tuấn	14/11/2007	TP. Hồ Chí Minh	6.9	7.0	7.0	6.9	Trung bình	
2.	Trần Tiến Đạt	20/8/2008	Thanh Hóa	6.6	7.0	7.0	6.7	Trung bình	
3.	Phạm Tiến Đạt	14/4/2008	Thanh Hóa	6.9	6.0	7.0	7.0	Khá	
4.	Lê Tuấn Đạt	07/02/2008	Thanh Hóa	6.0	6.0	7.0	6.4	Trung bình	
5.	Nguyễn Sỹ Điệp	12/02/2007	Thanh Hóa	7.2	7.0	7.5	7.3	Khá	
6.	Lê Ngọc Đông	13/11/2008	Thanh Hóa	6.2	5.0	7.0	6.5	Trung bình	
7.	Trịnh Minh Trí	10/6/2008	Thanh Hóa	6.0	7.5	5.0	5.6	Trung bình	
8.	Đình Quang Giáp	15/02/2008	Thanh Hóa	7.3	8.0	7.5	7.4	Khá	
9.	Lường Quang Hải	20/12/2008	Thanh Hóa	6.3	7.0	7.0	6.6	Trung bình	
10.	Trần Công Hiếu	25/02/2008	TP. Hồ Chí Minh	7.0	7.0	7.5	7.2	Khá	
11.	Trần Văn Hòa	06/8/2007	Thanh Hóa	6.6	7.0	7.5	7.0	Khá	
12.	Nguyễn Vũ Hoàng	01/7/2008	Thanh Hóa	6.0	7.0	7.0	6.4	Trung bình	
13.	Dương Lương Xuân Hưng	31/8/2008	Thanh Hóa	6.2	5.0	8.0	6.9	Trung bình	
14.	Trương Đỗ Như Hưng	03/9/2008	Thanh Hóa	7.1	7.5	7.5	7.2	Khá	
15.	Nguyễn Xuân Huy	23/11/2008	Thanh Hóa	6.7	7.0	7.0	6.8	Trung bình	
16.	Nguyễn Văn Long	29/01/2008	Thanh Hóa	6.7	8.0	7.0	6.8	Trung bình	
17.	Bùi Hồ Mạnh	02/12/2008	Thanh Hóa	7.1	7.5	7.5	7.2	Khá	
18.	Mai Danh Nguyên	01/10/2008	Thanh Hóa	7.1	6.5	7.0	7.1	Khá	



*Uw*

19.	Hoàng Minh	Nguyên	06/11/2007	Thanh Hóa	6.9	7.5	7.0	6.9	Trung bình
20.	Bùi Long	Nhật	08/11/2008	Thanh Hóa	6.5	6.5	7.0	6.7	Trung bình
21.	Phạm Tuấn	Thành	16/11/2008	Thanh Hóa	7.0	6.5	7.5	7.2	Khá
22.	Trần Duy	Thành	24/7/2008	Thanh Hóa	7.2	7.5	7.0	7.1	Khá
23.	Lương Đức	Thịnh	04/9/2008	Thanh Hóa	7.1	7.0	7.0	7.0	Khá
24.	Phạm Văn	Tiến	26/11/2007	Thanh Hóa	6.6	7.5	7.0	6.8	Trung bình
25.	Nguyễn Xuân	Toản	06/8/2008	Thanh Hóa	7.0	7.0	7.0	7.0	Khá
26.	Vũ Anh	Tuấn	25/10/2008	Thanh Hóa	7.3	6.5	7.0	7.2	Khá
27.	Phạm Đình	Tường	15/11/2008	Thanh Hóa	6.3	6.5	7.0	6.6	Trung bình
28.	Trương Tuấn	Vũ	06/6/2008	TP. Hồ Chí Minh	7.0	7.0	7.0	7.0	Khá
<b>III.</b>	<b>Lớp TB17 – Ô tô 2</b>								
1.	Trần Ngọc	Bình	30/11/2008	Thanh Hóa	6.3	7.0	6.5	6.5	Trung bình
2.	Đinh Mạnh	Cường	20/12/2008	Thanh Hóa	6.3	7.0	6.5	6.5	Trung bình
3.	Lê Văn	Đàn	04/7/2008	Thanh Hóa	6.6	7.0	7.0	6.8	Trung bình
4.	Nguyễn Đăng	Đạt	05/5/2008	Thanh Hóa	6.4	8.0	6.5	6.7	Trung bình
5.	Trần Quốc	Đạt	21/5/2008	Thanh Hóa	6.6	6.0	7.5	6.8	Trung bình
6.	Lê Văn	Đạt	19/10/2008	Thanh Hóa	6.3	7.0	6.5	6.5	Trung bình
7.	Nguyễn Thế	Giang	02/12/2008	Thanh Hóa	6.3	7.0	7.0	6.6	Trung bình
8.	Lê Hoàng	Hải	19/8/2008	Thanh Hóa	6.4	7.0	6.0	6.4	Trung bình
9.	Lê Xuân	Hùng	27/4/2008	TP. Hồ Chí Minh	7.4	8.0	9.0	8.0	Giỏi
10.	Nguyễn Lương	Hưng	12/4/2008	Thanh Hóa	6.5	7.0	6.5	6.6	Trung bình
11.	Nguyễn Lương	Hưng	27/5/2008	Thanh Hóa	6.3	7.0	5.0	6.0	Trung bình
12.	Trần Công Thái	Huy	31/8/1999	Đắk Lắk	7.4	7.5	8.0	7.6	Khá
13.	Lê Quốc	Khánh	02/9/2008	Thanh Hóa	6.6	7.5	7.0	6.9	Trung bình
14.	Bùi Quốc	Khánh	02/9/2008	Thanh Hóa	6.6	7.5	7.0	6.9	Trung bình
15.	Phạm Minh	Khôi	26/10/2008	Thanh Hóa	6.8	7.0	7.0	6.9	Trung bình
16.	Đào Đức	Mạnh	01/12/2008	Thanh Hóa	7.0	7.0	6.5	6.8	Trung bình
17.	Dương Tiến	Mạnh	31/8/2008	Thanh Hóa	7.2	8.0	8.0	7.6	Khá
18.	Nguyễn Đình Bình	Minh	14/10/2008	Thanh Hóa	6.3	7.0	6.5	6.5	Trung bình
19.	Phạm Văn	Minh	26/12/2008	Thanh Hóa	6.3	7.0	7.0	6.7	Trung bình
20.	Lê Đình	Nam	06/11/2008	Thanh Hóa	6.4	7.5	7.0	6.8	Trung bình

21.	Huỳnh Văn	Nghĩa	03/10/2008	TP. Hồ Chí Minh	6.8	7.0	6.5	6.7	Trung bình	
22.	Nguyễn Long	Nhật	04/6/2008	Thanh Hóa	6.5	7.0	7.0	6.7	Trung bình	
23.	Lê Duy	Phi	17/9/2008	Thanh Hóa	6.6	5.5	6.0	6.2	Trung bình	
24.	Lê Anh	Phương	20/02/2008	Thanh Hóa	6.8	6.5	6.0	6.5	Trung bình	
25.	Quản Thiện	Quân	16/02/2008	Thanh Hóa	7.2	7.5	7.0	7.2	Khá	
26.	Nguyễn Văn	Quân	17/12/2007	Thanh Hóa	6.9	6.5	6.5	6.7	Trung bình	
27.	Nguyễn Văn	Sang	20/10/2008	Thanh Hóa	6.7	7.5	7.0	6.9	Trung bình	
28.	Lê Văn	Sinh	22/11/2007	Thanh Hóa	6.8	8.0	6.0	6.7	Trung bình	
29.	Đặng Long	Thành	18/6/2008	Hà Nội	6.6	7.0	7.0	6.8	Trung bình	
30.	Nguyễn Hữu	Thiện	22/01/2008	Thanh Hóa	7.1	6.5	7.0	7.0	Khá	
31.	Lê Văn	Tiến	27/11/2007	Thanh Hóa	6.7	7.0	6.0	6.5	Trung bình	
32.	Lê Quốc	Toàn	28/3/2008	Thanh Hóa	6.9	8.0	6.5	7.0	Khá	
33.	Lê Đình	Trung	16/10/2008	Thanh Hóa	7.0	7.0	8.0	7.3	Khá	
34.	Lê Xuân	Trường	08/11/2008	Thanh Hóa	6.5	8.0	7.0	6.9	Trung bình	
35.	Nguyễn Văn	Trường	15/12/2008	Thanh Hóa	7.5	8.0	8.0	7.7	Khá	
36.	Nguyễn Minh	Tú	10/5/2007	TP. Hồ Chí Minh	7.1	8.0	6.0	6.9	Trung bình	
37.	Lê Đình	Tuấn	09/01/2008	Thanh Hóa	6.9	7.5	7.0	7.1	Khá	
38.	Lê Văn	Linh	07/6/2008	Thanh Hóa	6.4	7.0	6.5	6.5	Trung bình	
<b>IV.</b>	<b>Lớp TB17 – G4 Ô tô</b>									
1.	Trần Xuân	Chiều	10/6/2008	Thanh Hóa	6.7	8.0	7.5	7.2	Khá	
2.	Lê Thiện	Cường	10/02/2008	Thanh Hóa	6.6	7.0	7.0	6.8	Trung bình	
3.	Nguyễn Lê Tiến	Du	08/01/2008	TP. Hồ Chí Minh	6.7	6.0	7.5	6.8	Trung bình	
4.	Trịnh Quang	Duẩn	14/5/2008	Thanh Hóa	6.9	6.5	7.5	7.0	Khá	
5.	Lê Nhật	Dương	05/12/2007	Thanh Hóa	6.1	6.0	8.0	6.7	Trung bình	
6.	Lê Văn	Đạt	03/7/2008	Thanh Hóa	6.8	6.0	8.0	7.1	Khá	
7.	Nguyễn Văn	Đức	10/8/2008	Thanh Hóa	6.7	7.0	7.0	6.8	Trung bình	
8.	Dương Thế	Hoàng	04/6/2008	Thanh Hóa	6.6	7.0	7.0	6.8	Trung bình	
9.	Hoàng Long	Nhật	20/10/2007	Thanh Hóa	6.5	7.5	7.5	7.0	Khá	
10.	Lê Hữu	Quân	11/6/2007	Thanh Hóa	6.3	6.5	7.0	6.6	Trung bình	
11.	Đỗ Hồng	Quân	22/4/2008	Thanh Hóa	6.3	7.0	7.0	6.7	Trung bình	
12.	Phạm Văn	Tấn	07/8/2008	Thanh Hóa	7.1	7.5	7.5	7.3	Khá	

*Handwritten mark*

13.	Chu Bảo	Thanh	22/12/2008	Thanh Hóa	6.3	7.0	7.0	6.7	Trung bình	
14.	Lê Hoàng	Thành	08/10/2008	Thanh Hóa	6.3	8.0	7.0	6.8	Trung bình	
15.	Vũ Minh	Trí	25/11/2008	Thanh Hóa	6.6	6.0	7.5	6.8	Trung bình	
16.	Trần Văn	Trường	30/8/2008	Thanh Hóa	6.5	7.0	7.5	6.9	Trung bình	
17.	Dương Đình Anh	Vũ	04/7/2007	Thanh Hóa	6.2	6.0	7.5	6.6	Trung bình	
<b>B</b>	<b>Điện công nghiệp</b>									
	<b>Lớp TA17 – Điện 2</b>									
1.	Nguyễn Quốc	Cường	14/11/2005	Thanh Hóa	6.7	8.5	8.5	7.6	Khá	
2.	Nguyễn Hồng	Hải	17/6/1977	Thanh Hóa	6.3	8.5	8.0	7.2	Khá	
3.	Phạm Văn	Minh	11/10/2003	Thanh Hóa	7.1	8.5	9.0	8.0	Giỏi	
4.	Nguyễn Dương	Tuyển	25/7/2005	Thanh Hóa	6.7	8.0	8.0	7.4	Khá	
<b>II.</b>	<b>Lớp TA18 – Điện 2</b>									
1.	Hà Xuân	Cương	26/02/1998	Thanh Hóa	7.4	8.0	8.5	7.9	Khá	
2.	Nguyễn Văn	Hoạt	05/12/2002	Thanh Hóa	7.5	8.0	8.5	7.9	Khá	
3.	Hoàng Quốc	Khải	16/02/2000	Thanh Hóa	7.6	8.0	8.5	7.9	Khá	
4.	Đỗ Mỹ	Linh	19/5/1996	Thanh Hóa	6.6	8.5	8.0	7.4	Khá	
5.	Trịnh Ngọc	Lực	04/01/2006	Thanh Hóa	7.2	8.5	8.5	7.9	Khá	
6.	Nguyễn Huy	Mạnh	25/03/2002	Thanh Hóa	8.1	8.5	9.0	8.4	Giỏi	
7.	Lê Anh	Sơn	30/12/2003	Thanh Hóa	7.0	8.5	7.5	7.4	Khá	
8.	Lại Thế	Thành	20/02/1994	Thanh Hóa	7.3	8.5	7.5	7.6	Khá	
9.	Nguyễn Trung	Thịnh	20/11/1998	Thanh Hóa	7.5	8.0	8.0	7.7	Khá	
10.	Lê Văn	Trọng	02/01/2000	Thanh Hóa	7.1	7.0	8.0	7.4	Khá	
11.	Nguyễn Xuân	Tuấn	21/07/1998	Thanh Hóa	8.1	8.5	9.0	8.5	Giỏi	
<b>III.</b>	<b>Lớp TA18 – Điện 4</b>									
1.	Trịnh Huy	Hiếu	24/4/1998	Thanh Hóa	7.7	8.5	8.5	8.1	Giỏi	
2.	Nguyễn Văn	Hưng	15/6/1992	Thanh Hóa	7.7	8.5	8.0	7.9	Khá	
3.	Mai Xuân	Minh	21/10/1998	Thanh Hóa	7.7	8.5	8.0	7.9	Khá	
4.	Phạm Anh	Quân	15/8/2000	Thanh Hóa	7.0	7.5	7.5	7.3	Khá	
5.	Trịnh Đức	Quân	24/10/1999	Thanh Hóa	7.2	7.5	7.5	7.4	Khá	
6.	Phạm Văn	Tuyên	26/8/1996	Thanh Hóa	7.2	8.0	8.0	7.6	Khá	

IV.	Lớp TB17 – G1 Điện									
1.	Nguyễn Trọng Nhật	Anh	12/12/2008	Thanh Hóa	7.5	7.5	8.5	7.8	Khá	
2.	Hoàng Việt Đức	Anh	25/5/2008	Thanh Hóa	6.2	6.5	6.0	6.2	Trung bình	
3.	Nguyễn Doãn Gia	Bảo	15/11/2008	Thanh Hóa	6.4	8.0	7.0	6.9	Trung bình	
4.	Nguyễn Hữu	Cương	22/02/2008	Thanh Hóa	6.3	7.0	8.5	7.1	Khá	
5.	Vũ Trọng	Dũng	28/7/2008	Thanh Hóa	6.2	6.5	6.5	6.3	Trung bình	
6.	Nguyễn Bình	Dương	01/06/2008	Thanh Hóa	7.7	7.5	8.5	7.9	Khá	
7.	Trần Đăng	Dương	10/04/2008	Thanh Hóa	7.2	7.5	7.0	7.2	Khá	
8.	Phạm Đức	Đạt	12/02/2008	Thanh Hóa	6.3	7.5	6.5	6.6	Trung bình	
9.	Tổng Đình	Đình	19/01/2008	Đông Nai	6.6	7.5	6.0	6.5	Trung bình	
10.	Nguyễn Văn	Đô	20/8/2007	Thanh Hóa	6.4	6.0	6.0	6.2	Trung bình	
11.	Vũ Văn	Đức	07/9/2007	Thanh Hóa	7.2	7.5	6.0	6.8	Trung bình	
12.	Lê Minh	Hiếu	21/10/2008	Thanh Hóa	6.8	7.5	7.0	7.0	Khá	
13.	Lê Công	Hùng	08/8/2008	Thanh Hóa	6.5	7.5	7.5	7.0	Khá	
14.	Nguyễn Công	Huy	03/01/2008	Thanh Hóa	6.8	7.5	6.0	6.6	Trung bình	
15.	Lê Khắc	Huy	23/6/2008	Thanh Hóa	7.0	8.0	8.0	7.5	Khá	
16.	Hoàng Gia	Huy	04/9/2008	Quảng Ngãi	6.7	7.5	6.0	6.6	Trung bình	
17.	Lê Bá	Khải	23/9/2008	Thanh Hóa	6.6	7.5	7.0	6.9	Trung bình	
18.	Nguyễn Đức	Linh	07/5/2008	Thanh Hóa	6.8	7.5	7.5	7.1	Khá	
19.	Nguyễn Duy	Mạnh	23/9/2007	Thanh Hóa	6.5	5.5	6.0	6.2	Trung bình	
20.	Lê Viết Hoàng	Nguyên	06/10/2008	Thanh Hóa	6.5	7.5	6.0	6.5	Trung bình	
21.	Nguyễn Văn	Quân	16/01/2008	Thanh Hóa	7.2	7.0	8.5	7.6	Khá	
22.	Nguyễn Văn	Quang	25/01/2008	Thanh Hóa	6.6	7.0	8.0	7.2	Khá	
23.	Lê Văn	Quyền	01/02/2008	Thanh Hóa	6.7	8.5	7.0	7.1	Khá	
24.	Trương Công	Sang	11/4/2007	Thanh Hóa	6.6	8.5	7.5	7.2	Khá	
25.	Lê Đăng	Tài	25/3/2008	Thanh Hóa	6.5	7.5	8.0	7.2	Khá	
26.	Lê Công	Thành	27/02/2008	Thanh Hóa	6.4	7.5	6.0	6.4	Trung bình	
27.	Nguyễn Anh	Tiếp	04/7/2008	Thanh Hóa	6.9	7.5	7.5	7.2	Khá	
28.	Hoàng Anh	Tuấn	07/6/2008	Thanh Hóa	6.6	7.0	6.5	6.6	Trung bình	
29.	Nguyễn Tuấn	Tùng	01/3/2007	Thanh Hóa	6.7	8.0	8.0	7.3	Khá	
30.	Nguyễn Văn	Vũ	26/11/2008	Thanh Hóa	6.7	8.0	8.0	7.4	Khá	

24

31.	Đỗ Duy	Vũ	18/12/2008	Thanh Hóa	6.9	7.5	8.0	7.3	Khá	
32.	Nguyễn Văn	Vương	23/12/2008	Thanh Hóa	6.0	7.5	6.0	6.3	Trung bình	
<b>C</b>	<b>Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí</b>									
<b>I.</b>	<b>Lớp TA17 - Điện lạnh 2</b>									
1.	Hồ Hữu	Đạo	05/7/2005	Thanh Hóa	7.1	7.5	8.5	7.7	Khá	
2.	Phạm Văn	Hào	19/11/1991	Thanh Hóa	8.2	8.0	9.5	8.7	Giỏi	
3.	Đình Minh	Hoàng	02/11/2005	Thanh Hóa	7.3	8.0	8.5	7.8	Khá	
4.	Lê Doãn	Hưng	07/3/2004	Thanh Hóa	7.3	6.0	8.5	7.8	Khá	
5.	Trần Minh	Long	27/4/2005	Thanh Hóa	6.6	8.5	8.0	7.2	Khá	
6.	Hà Hữu	Nguyễn	14/8/2006	Thanh Hóa	6.3	7.0	8.0	7.0	Khá	
<b>II.</b>	<b>Lớp TB17 - Điện lạnh 1</b>									
1.	Phạm Trọng	An	05/8/2007	Thanh Hóa	7.1	8.0	8.0	7.5	Khá	
2.	Lê Tuấn	Anh	27/5/2008	Thanh Hóa	6.2	7.0	6.5	6.3	Trung bình	
3.	Hoàng Đình	Bình	25/10/2007	Thanh Hóa	6.3	6.0	7.0	6.6	Trung bình	
4.	Lê Văn	Cường	28/9/2008	Thanh Hóa	6.5	7.0	6.5	6.5	Trung bình	
5.	Lê Văn	Duy	20/6/2008	Thanh Hóa	6.2	7.0	6.5	6.3	Trung bình	
6.	Nguyễn Văn	Duy	06/9/2008	Thanh Hóa	6.5	7.5	7.5	6.9	Trung bình	
7.	Nguyễn Đình Hải	Đặng	22/10/2007	Ninh Bình	6.8	8.5	7.0	6.9	Trung bình	
8.	Hà Trọng Minh	Đạt	05/5/2008	Thanh Hóa	6.3	8.0	6.5	6.4	Trung bình	
9.	Trịnh Minh	Đạt	10/01/2008	Thanh Hóa	6.2	8.0	6.5	6.3	Trung bình	
10.	Nguyễn Ngọc Trường	Giang	28/12/2008	Thanh Hóa	7.2	8.0	7.5	7.3	Khá	
11.	Bùi Nguyễn	Giáp	29/12/2008	Thanh Hóa	5.9	6.5	6.5	6.1	Trung bình	
12.	Hoàng Văn	Hợp	04/7/2008	Thanh Hóa	6.6	7.5	7.0	6.8	Trung bình	
13.	Lê Trương	Hùng	09/10/2008	Thanh Hóa	5.9	7.5	6.5	6.1	Trung bình	
14.	Lê Mạnh	Huy	24/3/2007	Thanh Hóa	6.0	6.5	6.0	6.0	Trung bình	
15.	Bùi Quốc	Khánh	01/9/2007	Thanh Hóa	6.6	7.0	7.5	7.0	Khá	
16.	Lê Trương	Khánh	03/4/2008	Thanh Hóa	5.9	8.0	6.5	6.2	Trung bình	
17.	Lê Duy	Khánh	31/8/2008	Thanh Hóa	6.1	6.5	6.5	6.3	Trung bình	
18.	Dương Trọng	Kiên	28/9/2008	Thanh Hóa	6.7	7.5	7.0	6.8	Trung bình	
19.	Trần Văn	Kiệt	09/7/2008	Thanh Hóa	6.4	7.0	7.5	6.9	Trung bình	
20.	Nguyễn Văn	Lộc	26/12/2008	Thanh Hóa	6.5	7.0	7.0	6.7	Trung bình	

24

21.	Đỗ Trần Bảo	Long	01/12/2007	Thanh Hóa	6.5	8.0	7.5	6.9	Trung bình	
22.	Nguyễn Văn	Long	19/11/2008	Thanh Hóa	6.8	7.0	6.5	6.7	Trung bình	
23.	Nguyễn Đình	Lục	21/12/2007	Thanh Hóa	6.3	6.0	6.5	6.4	Trung bình	
24.	Nguyễn Hữu	Mạnh	04/01/2008	Thanh Hóa	6.7	5.5	7.0	6.8	Trung bình	
25.	Nguyễn Duy	Mạnh	26/10/2008	Thanh Hóa	6.4	6.0	6.0	6.3	Trung bình	
26.	Lê Phạm	Nam	11/04/2008	Thanh Hóa	6.0	5.0	6.0	6.0	Trung bình	
27.	Lê Bá Tuấn	Phong	19/10/2008	Thanh Hóa	6.0	5.0	6.0	6.0	Trung bình	
28.	Lê Kỳ	Phúc	07/4/2007	Thanh Hóa	7.3	6.0	8.0	7.6	Khá	
29.	Nguyễn Minh	Phương	27/8/2007	Thanh Hóa	6.7	5.5	8.0	7.2	Khá	
30.	Lê Văn	Phương	22/9/2008	Thanh Hóa	6.3	5.0	6.0	6.2	Trung bình	
31.	Lê Hữu	Tài	18/4/2008	Thanh Hóa	6.8	6.0	6.5	6.7	Trung bình	
32.	Lê Anh	Thi	27/10/2007	Thanh Hóa	6.1	5.0	6.0	6.0	Trung bình	
33.	Lê Thiên Trần	Tiến	09/3/2008	Hà Nội	6.4	6.0	7.0	6.7	Trung bình	
34.	Lê Trọng	Tiến	25/9/2008	Thanh Hóa	6.4	7.0	6.0	6.3	Trung bình	
35.	Nguyễn Văn	Tiến	19/11/2008	Thanh Hóa	6.3	7.0	6.5	6.4	Trung bình	
36.	Dương Tiến	Tú	09/11/2008	Thanh Hóa	6.3	6.0	7.0	6.6	Trung bình	
37.	Lê Đại	Tướng	21/08/2008	Thanh Hóa	6.2	6.0	6.5	6.3	Trung bình	
38.	Nguyễn Trọng	Vinh	17/8/2008	TP. Hồ Chí Minh	6.5	8.5	6.0	6.3	Trung bình	
<b>III.</b>	<b>Lớp TB17 – Điện lạnh 2</b>									
1.	Lê Hoàng	Anh	31/5/2008	Thanh Hóa	6.6	7.5	8.5	7.4	Khá	
2.	Đoàn Quang	Anh	18/02/2008	Thanh Hóa	6.3	7.5	7.5	6.9	Trung bình	
3.	Dương Đình Quang	Anh	24/4/2008	Thanh Hóa	6.7	7.5	7.5	7.1	Khá	
4.	Dương Văn Tuấn	Anh	20/5/2008	Thanh Hóa	6.6	7.0	7.5	6.9	Trung bình	
5.	Phạm Văn	Dũng	21/11/2008	Thanh Hóa	6.6	7.0	7.5	7.0	Khá	
6.	Lê Việt	Dương	28/7/2008	Thanh Hóa	6.5	7.5	7.0	6.8	Trung bình	
7.	Lê Văn	Duy	14/12/2007	Thanh Hóa	6.3	7.0	7.0	6.7	Trung bình	
8.	Đỗ Văn	Đại	01/5/2008	Thanh Hóa	6.7	7.0	7.5	7.0	Khá	
9.	Nguyễn Lê Tiến	Đạt	05/8/2008	Thanh Hóa	6.4	5.5	7.5	6.6	Trung bình	
10.	Lê Tiến	Đạt	27/9/2008	Thanh Hóa	6.3	6.5	7.0	6.6	Trung bình	
11.	Bùi Lâm Thành	Đạt	10/02/2007	Thanh Hóa	6.0	7.5	7.0	6.6	Trung bình	
12.	Vũ Thành	Đạt	21/11/2007	TP. Hồ Chí Minh	6.1	7.5	7.0	6.6	Trung bình	

26

13.	Lê Tuấn	Đức	25/12/2008	Thanh Hóa	6.6	8.5	7.5	7.2	Khá	
14.	Nguyễn Duy	Đức	17/02/2008	Thanh Hóa	5.9	8.0	7.0	6.6	Trung bình	
15.	Hoàng Duy	Hiệp	25/5/2008	Thanh Hóa	6.5	7.0	8.0	7.1	Khá	
16.	Cao Trọng Quang	Huy	19/10/2008	Thanh Hóa	6.5	5.5	8.0	6.9	Trung bình	
17.	Lê Văn	Huy	30/01/2008	Thanh Hóa	6.3	7.5	8.0	7.1	Khá	
18.	Lê Lâm Gia	Khánh	13/8/2007	TP. Hồ Chí Minh	6.2	5.0	7.5	6.4	Trung bình	
19.	Bùi Việt	Khánh	20/10/2008	Thanh Hóa	6.0	7.0	7.5	6.7	Trung bình	
20.	Nguyễn Xuân	Khôi	07/12/2008	Thanh Hóa	6.7	7.0	7.5	7.0	Khá	
21.	Trần Thanh	Lâm	20/5/2008	Thanh Hóa	6.0	7.5	7.0	6.6	Trung bình	
22.	Nguyễn Văn	Linh	10/02/2008	Thanh Hóa	6.8	8.0	7.0	7.1	Khá	
23.	Phạm Văn	Lộc	14/10/2008	Thanh Hóa	6.4	7.0	6.5	6.6	Trung bình	
24.	Vũ Văn	Long	04/9/2008	Thanh Hóa	6.5	6.5	6.0	6.3	Trung bình	
25.	Nguyễn Văn	Mạnh	03/12/2008	Thanh Hóa	6.4	6.0	8.0	6.9	Trung bình	
26.	Vũ Công	Minh	28/8/2008	Thanh Hóa	6.0	6.5	6.5	6.3	Trung bình	
27.	Đoàn Văn	Nghĩa	02/10/2008	Đắk Lắk	7.0	7.0	6.5	6.8	Trung bình	
28.	Trần Văn	Nhật	13/01/2008	Thanh Hóa	6.9	7.5	7.0	7.1	Khá	
29.	Lê Tấn	Phát	20/12/2008	Thanh Hóa	6.2	7.0	6.5	6.4	Trung bình	
30.	Nguyễn Trọng	Phong	29/7/2008	Thanh Hóa	6.4	6.0	6.0	6.2	Trung bình	
31.	Lương Văn	Quân	18/9/2008	Thanh Hóa	6.4	6.5	6.0	6.3	Trung bình	
32.	Lê Văn	Quân	22/11/2007	Thanh Hóa	6.2	6.5	6.0	6.2	Trung bình	
33.	Ngô Minh	Sáng	23/6/2008	Thanh Hóa	5.8	6.0	7.5	6.4	Trung bình	
34.	Nguyễn Thanh	Tâm	30/12/2008	Đồng Tháp	6.7	8.5	7.0	7.1	Khá	
35.	Lê Văn	Thư	21/3/2008	Thanh Hóa	6.7	7.5	6.5	6.7	Trung bình	
36.	Lê Bá	Tuấn	06/9/2008	Thanh Hóa	6.3	5.0	6.0	6.0	Trung bình	
37.	Lê Văn	Tuấn	27/02/2008	Thanh Hóa	6.5	7.0	8.0	7.1	Khá	
38.	Lê Thanh	Tùng	03/8/2008	Thanh Hóa	6.1	5.0	6.5	6.0	Trung bình	
39.	Lê Quý	Tý	14/01/2008	Thanh Hóa	7.1	8.0	7.0	7.2	Khá	
40.	Bùi Lâm Thành	Vinh	14/6/2008	Thanh Hóa	6.1	8.0	6.0	6.4	Trung bình	
41.	Dương Khắc	Vũ	14/02/2008	Thanh Hóa	6.5	9.0	6.5	6.9	Trung bình	
<b>IV.</b>	<b>Lớp TB17 – G3 Điện lạnh</b>									
1.	Nguyễn Hoàng	Anh	11/11/2008	Thanh Hóa	6.9	7.5	8.0	7.4	Khá	

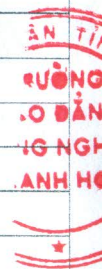
2.	Dương Đình Quang	Anh	05/5/2008	Thanh Hóa	6.8	8.0	8.0	7.4	Khá	
3.	Bùi Duy Công	Anh	20/9/2008	Thanh Hóa	6.7	7.5	8.0	7.3	Khá	
4.	Mai Trọng	Đức	03/4/2008	Thanh Hóa	6.5	7.5	7.0	6.8	Trung bình	
5.	Lê Anh	Đức	28/02/2008	TP. Hồ Chí Minh	6.4	7.0	7.0	6.7	Trung bình	
6.	Nguyễn Doãn	Hải	25/11/2008	Thanh Hóa	6.8	7.0	7.5	7.1	Khá	
7.	Dương Khắc	Hung	26/5/2008	Thanh Hóa	6.8	7.5	8.0	7.3	Khá	
8.	Lê Đình	Minh	13/8/2008	Thanh Hóa	7.0	8.0	8.0	7.5	Khá	
9.	Hoàng Đình	Mười	10/11/2008	Thanh Hóa	6.8	6.5	7.0	6.8	Trung bình	
10.	Nguyễn Hải	Nam	27/01/2007	Thanh Hóa	6.7	7.0	7.0	6.9	Trung bình	
11.	Nguyễn Huy Công	Nguyên	25/7/2008	Thanh Hóa	6.6	6.0	7.0	6.7	Trung bình	
12.	Nguyễn Văn	Tú	03/02/2008	Thanh Hóa	6.5	6.0	7.0	6.6	Trung bình	
13.	Lê Gia	Tự	15/10/2008	Thanh Hóa	6.4	6.0	7.0	6.5	Trung bình	
<b>D</b>	<b>Điện tử công nghiệp (Lớp TB17 - G1 Điện tử)</b>									
1.	Lê Sỹ	Bằng	14/9/2008	Thanh Hóa	6.2	6.0	7.5	6.6	Trung bình	
2.	Lê Quang	Đại	15/9/2008	Thanh Hóa	6.2	5.5	7.5	6.5	Trung bình	
3.	Phạm Anh	Kiệt	26/9/2008	Thanh Hóa	7.1	7.0	8.0	7.4	Khá	
4.	Lê Ngọc	Mạnh	12/06/2008	Thanh Hóa	7.1	8.5	8.5	7.8	Khá	
5.	Dương Phú	Trung	09/9/2007	Thanh Hóa	7.0	8.0	8.5	7.7	Khá	
6.	Trương Công	Trường	04/11/2008	Thanh Hóa	7.7	8.5	9.0	8.2	Giỏi	
7.	Phạm Thúc	Tùng	10/5/2008	Thanh Hóa	6.2	5.5	7.0	6.4	Trung bình	
8.	Lê Văn	Quân	13/02/2008	Thanh Hóa	7.1	8.0	9.0	7.9	Khá	
<b>E</b>	<b>Tự động hóa công nghiệp (Lớp TB17 - G1 Tự động hóa)</b>									
1.	Quách Trí	Đức	16/8/2008	Thanh Hóa	7.2	7.0	8.5	7.6	Khá	
2.	Nguyễn Trọng	Hiếu	08/12/2008	Thanh Hóa	7.3	8.0	8.5	7.8	Khá	
3.	Nguyễn Thế Hoàng	Nam	02/6/2008	Thanh Hóa	7.2	6.5	7.5	7.2	Khá	
<b>F</b>	<b>Công nghệ thông tin</b>									
<b>I.</b>	<b>Lớp TB17 - CNTT</b>									
1.	Mai Kim	Anh	27/11/2008	Thanh Hóa	6.4	6.5	6.5	6.5	Trung bình	
2.	Lê Nam	Anh	11/08/2008	Thanh Hóa	7.2	6.5	6.5	6.8	Trung bình	
3.	Trần Lê Lan	Anh	28/02/2008	Thanh Hóa	6.6	7.5	7.0	6.9	Trung bình	
4.	Lê Huy	Anh	27/03/2008	Thanh Hóa	6.7	7.5	8.0	7.3	Khá	



W

5.	Nguyễn Hữu	Chung	17/05/2008	Thanh Hóa	6.4	8.0	7.0	6.9	Trung bình
6.	Dương Thị Thùy	Dung	18/12/2008	Thanh Hóa	6.4	5.5	7.5	6.6	Trung bình
7.	Lê Thế	Dương	26/08/2008	Thanh Hóa	6.5	7.8	7.0	6.9	Trung bình
8.	Mai Văn Tuấn	Đại	29/01/2008	Thanh Hóa	6.7	8.0	7.0	7.0	Khá
9.	Lê Thị Thu	Hà	08/02/2008	TP. Hồ Chí Minh	7.1	6.0	8.0	7.2	Khá
10.	Lê Thị Ngọc	Hà	25/04/2008	Thanh Hóa	6.9	6.0	7.5	6.9	Trung bình
11.	Lê Công	Hiếu	17/05/2007	Thanh Hóa	6.4	6.0	7.0	6.5	Trung bình
12.	Hà Thị Mỹ	Huệ	18/08/2008	Thanh Hóa	6.8	7.0	7.0	6.9	Trung bình
13.	Mai Gia	Huy	18/11/2008	Thanh Hóa	6.3	6.0	7.0	6.5	Trung bình
14.	Đỗ Gia	Huy	16/10/2008	Thanh Hóa	6.6	6.0	7.0	6.6	Trung bình
15.	Lê Quang	Huy	09/05/2008	Hà Nội	6.9	6.0	8.0	7.1	Khá
16.	Lê Nguyên	Khang	29/09/2008	Thanh Hóa	7.3	6.5	8.5	7.6	Khá
17.	Trương Nhật	Khánh	19/11/2007	Thanh Hóa	6.0	5.0	6.0	5.8	Trung bình
18.	Bùi Tuấn	Kiệt	10/10/2008	Thanh Hóa	6.5	5.5	6.5	6.3	Trung bình
19.	Đỗ Quốc	Kỳ	28/05/2008	TP. Hồ Chí Minh	7.2	5.5	7.5	7.0	Khá
20.	Dương Thị Thùy	Linh	26/05/2008	Thanh Hóa	6.5	8.0	7.5	7.1	Khá
21.	Dương Thị Phương	Linh	27/10/2008	Thanh Hóa	6.7	8.0	7.5	7.2	Khá
22.	Đỗ Việt	Long	13/11/2008	Thanh Hóa	7.1	7.0	8.5	7.6	Khá
23.	Dương Thị Xuân	Mai	12/09/2008	Thanh Hóa	7.3	8.0	8.0	7.6	Khá
24.	Dương Hoàng	Minh	10/09/2007	Thanh Hóa	5.8	6.0	6.0	5.9	Trung bình
25.	Đỗ Duy	Minh	05/01/2008	Thanh Hóa	7.3	6.0	7.5	7.1	Khá
26.	Lê Hào	Nam	30/04/2008	Hà Nội	6.7	5.5	7.0	6.6	Trung bình
27.	Nguyễn Thị Phương	Ngân	01/07/2008	Thanh Hóa	6.8	6.0	8.0	7.1	Khá
28.	Dương Thị Thủy	Ngân	07/12/2008	Thanh Hóa	7.0	7.0	8.0	7.3	Khá
29.	Vũ Thị	Ngân	16/09/2007	Thanh Hóa	6.9	6.0	7.5	7.0	Khá
30.	Nguyễn Thị Lan	Phương	12/02/2008	Thanh Hóa	6.9	6.0	8.0	7.1	Khá
31.	Lê Thị	Phương	15/12/2008	Thanh Hóa	6.9	7.0	8.0	7.3	Khá
32.	Nguyễn Mạnh	Quân	15/04/2008	Thanh Hóa	6.4	6.5	7.0	6.6	Trung bình
33.	Đặng Văn	Quân	19/06/2008	Thanh Hóa	6.6	5.0	7.0	6.4	Trung bình
34.	Lê Bảo	Sang	15/07/2008	TP. Hồ Chí Minh	6.8	6.5	8.0	7.2	Khá
35.	Trần Văn	Thắng	22/07/2005	Thanh Hóa	7.6	7.0	8.5	7.8	Khá

36.	Lê Đức	Thiên	06/04/2008	Thanh Hóa	7.1	5.0	8.5	7.2	Khá
37.	Quách Anh	Thư	23/01/2008	Thanh Hóa	6.7	7.5	7.5	7.1	Khá
38.	Lê Quang	Trường	03/02/2008	Đông Nai	7.4	6.5	8.0	7.5	Khá
39.	Đào Trọng	Tùng	05/10/2008	Thanh Hóa	6.2	6.0	7.0	6.5	Trung bình
40.	Thiều Đình Quang	Vinh	03/04/2008	Thanh Hóa	6.3	7.0	6.5	6.5	Trung bình
41.	Trần Thiệu Duy	Vinh	18/11/2007	Thanh Hóa	6.9	7.0	6.5	6.8	Trung bình
42.	Nguyễn Thị	Yến	18/07/2007	Thanh Hóa	6.0	8.0	7.0	6.7	Trung bình
43.	Nguyễn Thị Thùy	Trang	24/4/2007	Thanh Hóa	7.0	7.0	8.0	7.3	Khá
44.	Lương Triều	Vỹ	09/8/2007	Thanh Hóa	6.2	8.0	6.5	6.6	Trung bình
<b>II.</b>	<b>Lớp TB17 – G3 CNTT</b>								
1.	Phan Văn Việt	Anh	04/10/2008	Thanh Hóa	7.0	6.3	7.0	7.0	Khá
2.	Nguyễn Thị Nguyệt	Ánh	10/01/2008	Thanh Hóa	6.9	8.0	8.0	7.3	Khá
3.	Phạm Lê Thái	Bảo	29/9/2008	Thanh Hóa	6.3	6.5	6.0	6.2	Trung bình
4.	Lê Thành	Chuyên	25/6/2008	Thanh Hóa	6.6	6.5	7.0	6.7	Trung bình
5.	Đàm Cảnh Nam	Dương	28/7/2008	Thanh Hóa	7.3	5.5	7.0	7.2	Khá
6.	Nguyễn Quốc	Đạt	25/12/2008	Thanh Hóa	7.1	7.0	7.0	7.1	Khá
7.	Hoàng Đình Duy	Đức	17/3/2008	Lâm Đồng	7.2	7.0	7.5	7.3	Khá
8.	Đàm Khắc	Hoàn	05/02/2008	Thanh Hóa	6.5	6.5	8.0	7.1	Khá
9.	Trương Thị	Hồng	02/02/2008	Thanh Hóa	6.9	7.5	8.5	7.6	Khá
10.	Nguyễn Ngọc Vy	Linh	07/3/2008	Thanh Hóa	7.1	8.0	8.5	7.7	Khá
11.	Trịnh Đức	Long	11/02/2008	Thanh Hóa	6.5	8.0	7.5	6.9	Trung bình
12.	Trần Khánh	Ly	22/12/2008	Thanh Hóa	7.8	8.0	8.0	7.9	Khá
13.	Tào Nhật	Minh	20/03/2008	Thanh Hóa	6.9	6.5	7.5	7.1	Khá
14.	Lại Hà	Ngân	22/12/2008	Thanh Hóa	6.5	8.0	8.0	7.1	Khá
15.	Dương Phạm Quỳnh	Nhi	24/5/2008	Thanh Hóa	7.2	8.0	8.0	7.5	Khá
16.	Hoàng Thị Hà	Phương	12/12/2008	Thanh Hóa	6.9	8.0	8.0	7.4	Khá
17.	Ngô Hà	Phương	03/01/2008	Thanh Hóa	7.7	6.0	7.5	7.6	Khá
18.	Lê Thanh	Son	10/4/2008	Thanh Hóa	7.3	6.0	9.0	8.0	Giỏi
19.	Đàm Cảnh	Thịnh	20/10/2008	Thanh Hóa	6.3	8.5	6.5	6.4	Trung bình
20.	Lê Xuân Anh	Tuấn	22/01/2008	Thanh Hóa	7.0	7.5	8.0	7.4	Khá
21.	Nguyễn Nhật	Tùng	29/6/2008	Thanh Hóa	6.4	7.5	6.5	6.5	Trung bình



*Handwritten signature or mark*

22.	Nguyễn Hữu	Tùng	08/8/2008	Thanh Hóa	6.5	7.0	7.0	6.7	Trung bình	
23.	Bùi Quốc	Việt	23/9/2008	Thanh Hóa	6.6	7.0	6.5	6.5	Trung bình	
24.	Hoàng Thị Huyền	Vy	20/6/2008	Thanh Hóa	7.2	8.0	7.5	7.3	Khá	
25.	Dương Đình Việt	Anh	23/10/2008	Thanh Hóa	7.3	8.0	8.5	7.8	Khá	
<b>G</b>	<b>Hàn</b>									
<b>I.</b>	<b>Lớp TA17 – Hàn 2</b>									
1.	Tô Quang	Thắng	29/10/2003	Thanh Hóa	7.4	5.5	8.0	7.3	Khá	
<b>II.</b>	<b>Lớp TB17 – G2 Hàn</b>									
1.	Nguyễn Văn	Bảo	15/6/2008	Thanh Hóa	6.0	7.0	6.0	6.2	Trung bình	
2.	Lê Văn	Hải	23/11/2007	Thanh Hóa	6.7	7.5	6.5	6.8	Trung bình	
3.	Lê Văn	Huy	16/10/2008	Thanh Hóa	6.3	7.0	6.0	6.3	Trung bình	
4.	Lê Văn	Huy	02/11/2008	Thanh Hóa	7.2	7.5	6.5	7.0	Khá	
5.	Trương Thành	Kiên	18/11/2008	Thanh Hóa	7.1	8.5	7.0	7.3	Khá	
6.	Ngô Nguyễn Thành	Nam	06/4/2007	Thanh Hóa	7.2	7.0	7.0	7.1	Khá	
7.	Nguyễn Văn	Nghĩa	24/6/2008	Thanh Hóa	6.5	7.0	6.0	6.4	Trung bình	
8.	Lê Văn	Tâm	22/9/2008	Thanh Hóa	7.4	7.5	8.5	7.8	Khá	
9.	Hoàng Văn	Thái	17/4/2008	Thanh Hóa	7.7	7.5	9.0	8.1	Giỏi	
10.	Lê Ngọc Bá	Thắng	04/4/2008	Thanh Hóa	6.3	7.5	7.0	6.7	Trung bình	
11.	Lê Xuân Tuấn	Tú	06/11/2008	Thanh Hóa	6.8	8.0	8.5	7.5	Khá	
12.	Phạm Thanh	Vương	01/12/2008	Thanh Hóa	6.9	6.0	7.5	7.0	Khá	
<b>H</b>	<b>Cắt gọt kim loại (Lớp TB17 – G2 CGKL)</b>									
1.	Lê Anh	Duy	26/7/2008	Thanh Hóa	6.3	6.0	5.0	5.8	Trung bình	
2.	Lê Duy	Đức	30/7/2008	Gia Lai	7.2	8.0	9.0	8.0	Giỏi	
3.	Lê Viết Đức	Hiếu	13/9/2008	Thanh Hóa	6.5	8.0	7.5	7.1	Khá	
4.	Đồng Minh	Hùng	02/7/2008	Thanh Hóa	7.3	7.0	8.5	7.7	Khá	
5.	Lê Đình	Nam	17/02/2008	Thanh Hóa	7.2	8.0	8.5	7.8	Khá	
6.	Lê Thị Phương	Nhi	17/8/2008	Thanh Hóa	7.0	9.0	6.5	7.2	Khá	
7.	Nguyễn Sỹ	Sơn	25/9/2008	Thanh Hóa	6.2	8.0	6.5	6.6	Trung bình	
8.	Lê Khắc Hồng	Sơn	28/5/2008	Thanh Hóa	7.0	7.5	7.5	7.3	Khá	
<b>I</b>	<b>Bảo trì hệ thống thiết bị cơ khí (Lớp TB17 – G2 BTHTTBCK)</b>									
1.	Nguyễn Văn	Phong	09/6/2008	Thanh Hóa	6.7	7.0	7.0	6.9	Trung bình	

2.	Ngô Xuân	Quý	04/8/2007	Thanh Hóa	7.4	6.0	7.5	7.2	Khá	
3.	Vũ Trọng	Tường	14/7/2008	Thanh Hóa	7.0	8.0	7.0	7.2	Khá	
<b>K</b>	<b>Công nghệ kỹ thuật điện tử truyền thông (Lớp TB17 – G4 CNKTĐTTT)</b>									
1.	Cao Thị	Hằng	29/10/2007	Thanh Hóa	7.5	7.0	9.0	8.1	Giỏi	
2.	Bùi Trung	Hiếu	26/01/2008	Nghệ An	7.1	7.0	8.8	7.8	Khá	
3.	Đỗ Văn	Tiến	08/7/2008	Thanh Hóa	7.2	6.5	8.3	7.6	Khá	
4.	Lê Thành	Trung	17/3/2008	Thanh Hóa	7.3	7.0	8.9	8.0	Giỏi	
<b>L</b>	<b>Điện – Nước (Lớp TB17 – G4 Điện nước)</b>									
1.	Phạm Văn Đức	Anh	08/9/2008	Thanh Hóa	7.2	7.5	8.5	7.7	Khá	
2.	Nguyễn Bá Quang	Huy	16/10/2008	Thanh Hóa	6.5	6.0	7.0	6.7	Trung bình	
3.	Nguyễn Trần Việt	Thắng	01/01/2008	Thanh Hóa	7.2	7.0	9.0	7.9	Khá	
4.	Đàm Văn	Thành	10/8/2008	Thanh Hóa	6.2	8.5	7.0	6.5	Trung bình	
5.	Dương Khắc	Tú	17/8/2008	Thanh Hóa	6.9	7.5	8.0	7.4	Khá	
<b>M</b>	<b>Máy thời trang</b>									
<b>I.</b>	<b>Lớp TA17- Máy 2</b>									
1.	Vũ Thị Thanh	Nhàn	13/11/2005	Thanh Hóa	8.4	7.5	8.5	8.3	Giỏi	
<b>II.</b>	<b>TB17 – G2 Máy</b>									
1.	Nguyễn Ngọc Hoài	Anh	25/6/2008	Tây Ninh	6.7	8.0	7.0	6.8	Trung bình	
2.	Lê Đăng Văn	Anh	13/4/2008	Thanh Hóa	7.0	8.0	8.0	7.4	Khá	
3.	Lê Xuân Quý	Hải	08/11/2008	Thanh Hóa	7.3	8.0	7.5	7.4	Khá	
4.	Viên Gia	Hiếu	21/6/2008	Thanh Hóa	6.2	7.0	7.0	6.5	Trung bình	
5.	Lê Thị	Hồng	20/11/2008	Thanh Hóa	7.2	7.5	7.0	7.1	Khá	
6.	Bùi Thị Huệ	Ly	14/01/2008	Thanh Hóa	6.7	7.0	7.0	6.8	Trung bình	
7.	Đinh Thị Huyền	Ly	14/4/2008	Đồng Nai	7.2	7.5	7.5	7.3	Khá	
8.	Lê Thị Trà	My	06/02/2008	Thanh Hóa	5.8	7.0	6.0	5.9	Trung bình	
9.	Lê Hồng Bảo	Ngọc	19/10/2008	Thanh Hóa	7.0	8.0	7.0	7.0	Khá	
10.	Lê Thái	Nguyễn	23/5/2008	Thanh Hóa	6.8	7.5	8.0	7.3	Khá	
11.	Đỗ Thị	Nhung	28/7/2008	Thanh Hóa	8.0	7.5	8.5	8.2	Giỏi	
12.	Nguyễn Thị Thảo	Quyên	02/10/2008	Thanh Hóa	5.8	5.0	6.0	5.9	Trung bình	
13.	Lê Nguyễn Ngọc	Quỳnh	06/7/2008	Thanh Hóa	6.5	7.0	6.0	6.3	Trung bình	
14.	Nguyễn Phương	Thanh	03/12/2008	Thanh Hóa	7.0	7.5	8.0	7.4	Khá	



22

15.	Lê Phương	Thảo	25/02/2008	Thanh Hóa	7.2	8.0	7.5	7.3	Khá	
16.	Lê Thị Huyền	Thảo	23/6/2008	Thanh Hóa	7.4	8.0	8.5	7.8	Khá	
17.	Lê Thị	Thương	21/11/2008	Thanh Hóa	6.5	7.5	7.0	6.7	Trung bình	
18.	Nguyễn Thị	Xuân	08/4/2008	Thanh Hóa	7.3	9.0	8.0	7.6	Khá	
19.	Nguyễn Lê Hải	Yên	05/10/2008	Thanh Hóa	7.6	7.5	9.0	8.2	Giỏi	

(*Ấn định danh sách này gồm 371 học sinh*)

W